

BÀI 1: CÁC CẤP TỔ CHỨC CỦA THỂ GIỚI SỐNG: 2B + 1H

<NB>Đơn vị tổ chức cơ bản cấu tạo nên mọi cơ thể sinh vật là

<\$>tế bào.

<\$>mô.

<\$>các đại phân tử.

<\$>cơ thể.

<NB>Các cấp tổ chức sống **không** có đặc điểm chung nào sau đây?

<\$>Hệ thống mở.

<\$>Liên tục tiến hóa.

<\$>**Không theo nguyên tắc thứ bậc.**

<\$>Có khả năng tự điều chỉnh.

<TH>Các cấp tổ chức của thể giới sống đều là những hệ mở vì

<\$>có khả năng thích nghi với môi trường.

<\$>**thường xuyên trao đổi vật chất và năng lượng với môi trường.**

<\$>có khả năng sinh sản để duy trì nòi giống.

<\$>phát triển và tiến hoá không ngừng.

BÀI 2: CÁC GIỚI SINH VẬT: 2B + 2H

<NB>Đơn vị phân loại cao nhất trong sinh giới là

<\$>ngành.

<\$>bộ.

<\$>**giới.**

<\$>lớp.

<NB>Vi khuẩn là những sinh vật được xếp vào giới nào sau đây?

<\$>Giới Động vật.

<\$>Giới Thực vật.

<\$>**Giới Khởi sinh.**

<\$>Giới Nguyên sinh.

<TH>Những giới sinh vật nào dưới đây có các sinh vật nhân thực?

<\$>Giới Nguyên sinh, giới Thực vật, giới Động vật, giới Khởi sinh.

<\$>Giới Khởi sinh, giới Thực vật, giới Động vật, giới Nấm.

<\$>**Giới Nguyên sinh, giới Thực vật, giới Động vật, giới Nấm.**

<\$>Giới Nấm, giới Thực vật, giới Động vật, giới Khởi sinh.

<TH>Phát biểu nào dưới đây **sai**?

<\$>Giới Nguyên sinh gồm những sinh vật đơn bào hoặc đa bào, sống tự dưỡng hoặc dị dưỡng.

<\$>Giới Nấm gồm những sinh vật đơn bào hoặc đa bào, sống dị dưỡng.

<\$>**Giới Thực vật gồm những sinh vật sống dị dưỡng, có khả năng cảm ứng chậm.**

<\$>Giới Động vật gồm những sinh vật sống dị dưỡng, phản ứng nhanh và có khả năng di chuyển.

BÀI 3: CÁC NGUYÊN TỔ HÓA HỌC VÀ NƯỚC: 1B + 2H

<NB>Nguyên tố nào sau đây **không** thuộc nhóm nguyên tố đa lượng?

<\$>**Iôt.**

<\$>Cacbon.

<\$>Lưu huỳnh.

<\$>Phốtpho.

<TH>Nước **không** có vai trò nào sau đây đối với tế bào?

<\$>Môi trường của các phản ứng sinh hóa.

<\$>Thành phần cấu tạo của tế bào.

<\$>Dung môi hòa tan các chất.

<\$>**Tham gia vào quá trình chuyển hóa năng lượng để duy trì sự sống.**

<TH>Các nguyên tố vi lượng thường tham gia vào cấu tạo nên

<\$>các đại phân tử hữu cơ, vitamin.

<\$>**vitamin, enzym.**

<\$>protein, lipit, axit nucleic.

<\$>protein, lipit, axit nucleic, vitamin.

BÀI 4: CACBOHIDRAT VÀ LIPIT: 2B + 2H

<NB> Cacbohidrat là hợp chất hữu cơ được cấu tạo từ các nguyên tố nào dưới đây?

<\$>H, O, N.

<\$>C, H, N.

<\$>C, H, O.

<\$>C, O, N.

<NB> Loại lipit nào dưới đây được hình thành do một phân tử glixêrôl liên kết với 3 axit béo?

<\$>Mỡ.

<\$>Phôtpholipit.

<\$>Stêroit.

<\$>Vitamin A.

<TH> Dây cacbohidrat nào sau đây được cấu tạo từ hai phân tử đường đơn?

<\$>Fructôzơ, galactôzơ.

<\$>Mantôzơ, glucôzơ.

<\$>Saccarôzơ, galactôzơ.

<\$>Saccarôzơ, lactôzơ.

<TH> Loại lipit nào dưới đây có chức năng chính là cấu tạo nên các loại màng của tế bào?

<\$>Mỡ.

<\$>Phôtpholipit.

<\$>Carôtenôit.

<\$>Vitamin D.

BÀI 5: PROTEIN: 2B + 1H

<NB> Chuỗi pôlipeptit xoắn lò xo hay gấp nếp lại là cấu trúc prôtêin bậc

<\$>3.

<\$>1.

<\$>2.

<\$>4.

<NB> Loại prôtêin nào sau đây có chức năng vận chuyển các chất?

<\$>Hêmôglobin.

<\$>enzim.

<\$>Côlagen.

<\$>Prôtêin sữa (cazein).

<TH> Hàng ngày, chúng ta phải ăn nhiều protein từ các loại thực phẩm khác nhau để cung cấp đủ

<\$>các loại axitamin khác nhau.

<\$>các loại đường khác nhau.

<\$>các loại axit béo khác nhau.

<\$>các nucleotit tự do khác nhau.

BÀI 6: AXIT NUCLEIC: 1B

<NB> Phân tử ARN **không** có loại nuclêôtit nào sau đây?

<\$>A.

<\$>T.

<\$>G.

<\$>X.

BÀI 7: TẾ BÀO NHÂN SƠ: 2B + 1H

<NB> Bào quan nào dưới đây có trong tế bào vi khuẩn?

<\$>Ti thể.

<\$>Không bào.

<\$>Lưới nội chất.

<\$>Ribôxôm.

<NB> Thành phần hóa học cấu tạo nên thành tế bào nhân sơ là

<\$>peptidôglican.

<\$>xenlulôzơ.

<\$>xilic.

<\$>kitin.

<TH>Cho các đặc điểm sau:

- (a) Cấu tạo đơn giản, chưa có nhân hoàn chỉnh.
- (b) Chứa một phân tử ADN dạng hở.
- (c) Không có các bào quan có màng bao bọc.

Số đặc điểm đúng đối với tế bào nhân sơ là

<\$>1.

<\$>2.

<\$>3.

<\$>0.